

Bản án số: 135/2026/HS-ST
Ngày 22 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Phú và ông Trần Việt Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2026/HSST ngày 16 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. **Bùi Sơn L**, sinh ngày 23/6/1974 tại **xã B, tỉnh Phú Thọ**; nơi ĐKKHKT: **Thôn H, xã B, tỉnh Phú Thọ**; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 7/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông **Bùi Sơn H** (đã chết) và bà **Lê Thị H1**; vợ là **Tướng Thị B** (đã ly hôn); con: Có 01 con; tiền án: 04 tiền án:

- Tại Bản án số 01/1994/HSST ngày 28/01/1994 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Phú Thọ) xử **Bùi Sơn L** 18 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản công dân, 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản công dân, 36 tháng tù về tội Cướp tài sản công dân, 15 tháng tù về tội Tàng trữ vũ khí trái phép. Tổng hợp hình phạt là 09 năm 06 tháng tù. Về TNDS: Buộc **L** phải bồi thường cho anh **Phạm Hải C** 200.000đồng, chị **Nguyễn Thị T** 100.000đồng, anh **Doãn Vương N** 700.000đồng, anh **H2** 15.000đồng; anh **T1** 200.000đồng. Thu hồi 100.000đồng. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 50.000đồng, án phí dân sự trong vụ án hình sự bị cáo phải chịu 60.750đồng. Đến nay bị cáo chưa chấp hành nộp án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự (chưa được xóa án tích).

- Tại Bản án số 38/1994/HSST ngày 27/12/1994 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Phú Thọ) xử

phạt **Bùi Sơn L** 24 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam, tổng hợp với hình phạt (08 năm 11 tháng 23 ngày) chưa thi hành của bản án số 01/1994/HSST của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, buộc **Bùi Sơn L** phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 10 năm 11 tháng 23 ngày tù, bị cáo phải chịu 50.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo đã nộp án phí vào tháng 6 năm 1995.

- Tại Bản án số 01/2005/HSST ngày 25/01/2005 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - H) xử phạt **Bùi Sơn L** 60 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 38 ngày 27/12/1994 (08 tháng 14 ngày), buộc **Bùi Sơn L** phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 68 tháng 14 ngày tù, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh **Lê Duy B1** số tiền 1.019.000đồng, bị cáo phải chịu 50.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 50.000đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 04/01/2010. Về khoản bồi thường, cho đến nay anh **Lê Duy B1** không có đơn đề nghị thi hành án và cũng không yêu cầu **Bùi Sơn L** phải bồi thường cho anh **B1** số tiền trên. Về án phí, bị cáo chưa chấp hành nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự (chưa được xóa án tích).

- Tại Bản án số 33/2013/HSST ngày 09/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ) xử phạt **Bùi Sơn L** 10 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000đồng, tịch thu 100.000đồng, truy thu 280.000đồng, phạt bổ sung 7.000.000đồng. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 15/10/2021, chấp hành xong án phí ngày 15/7/2013 và chấp hành xong khoản tịch thu 100.000đồng ngày 15/7/2013. Ngày 10/12/2025, **L** chấp hành xong hình phạt bổ sung 7.000.000đồng và khoản truy thu 280.000đồng (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2025 đến nay (có mặt).

1.2. **Trần Văn B2**, sinh ngày 04/9/1988 tại **xã Đ, tỉnh Phú Thọ**; nơi ĐKKHKT: **Thôn L, xã Đ, tỉnh Phú Thọ**; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông **Trần Đại M** và bà **Phạm Thị V** (đã chết); vợ là **Nguyễn Thị H3** (đã ly hôn); con: Có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 153/QĐ-XPHC ngày 22/10/2020 của **Công an huyện T** đã xử phạt vi phạm hành chính đối với **Trần Văn B2** số tiền 350.000đồng về hành vi Đánh bạc, **B2** đã chấp hành nộp phạt ngày 07/04/2021. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2025 đến nay (có mặt).

2. Người làm chứng: Anh **Lê Q**, sinh năm 1991, địa chỉ: **Thôn Đ, xã B, tỉnh Phú Thọ**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Sơn L là đối tượng đang cai nghiện ma túy bằng methadone tại Trung tâm y tế B3. Khoảng 09 giờ ngày 24/10/2025, L đi xe buýt từ nhà đến Trung tâm y tế B3 để uống methadone. Đến nơi L ngồi uống nước ở gần đó thì có một người đàn ông khoảng hơn 40 tuổi dáng cao to, mặc áo cộc màu đen, quần bò màu xanh, đeo khẩu trang y tế màu xanh, đi xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva (L không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể và không nhớ biển kiểm soát xe mô tô) gặp và hỏi L là “Lấy không” ý hỏi L có mua ma túy không, do đang có ý định mua ma túy về để bán kiếm lời nên L đồng ý và mua của người đàn ông này 200.000đồng ma túy loại heroin, sau đó cất giấu trong người và ra bắt xe buýt đi về nhà. Khoảng 13 giờ 55 phút ngày 27/10/2025, khi L đang ở nhà tại thôn H, xã B thì Trần Văn B2 dùng số điện thoại 0896.429.688 gọi vào số điện thoại 0965.625.358 của L hỏi mua 400.000đồng ma túy heroin thì L trả lời là có, khoảng 10 phút sau B2 đến, tại phía ngoài bờ tường nhà L thì B2 đưa cho L 500.000đồng, L cầm tiền rồi đi vào nhà lấy ra một gói ma túy heroin đưa cho B2 đồng thời trả lại cho B2 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, B2 một mình đi bộ ra đường tỉnh lộ 310 thuộc thôn B, xã B, tỉnh Phú Thọ để tìm chỗ sử dụng thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: T2 trong túi quần phía trước bên phải của Trần Văn B2 đang mặc 01 gói bằng giấy màu trắng, bên trong chứa chất cục bột màu trắng, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A1. B2 khai nhận là ma túy heroine mua của Bùi Sơn L để sử dụng cho bản thân. T2 trong túi quần phía trước bên phải của B2 01 lọ thủy tinh chứa nước cất và 01 bơm tiêm bằng nhựa chưa qua sử dụng. Tạm giữ của B2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3, màu đỏ đã cũ (là chiếc điện thoại mà B2 dùng để liên lạc với L khi hỏi mua ma túy).

Ngày 27/10/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Sơn L tại thôn H, xã B, tỉnh Phú Thọ. Kết quả khám xét thu giữ: 01 ví giả da màu nâu của Bùi Sơn L, bên trong có số tiền 800.000đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng (là tờ tiền B2 đưa cho L khi B2 mua ma túy của L); 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000đồng); 01 thẻ căn cước công dân số 026074006702 mang tên Bùi Sơn L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu đen, đã qua sử dụng (là chiếc điện thoại mà L liên lạc với B2 khi B2 hỏi mua ma túy); 01 cân tiểu ly mặt trước có chữ Pocket Scolf, vỏ đen; 01 con dao dài khoảng 10cm, phần lưỡi dài khoảng 5cm, đầu nhọn, mũi sắc, phần đuôi dài khoảng 5cm, chia làm hai phần nhựa và kim loại; 01 bơm kim tiêm bằng nhựa và 02 lọ nước cất chưa qua sử dụng.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 30 ml nước tiểu của Trần Văn B2 được niêm phong trong 01 chai nhựa ký hiệu M1 và 30ml nước tiểu của Bùi Sơn L được niêm phong trong 01 chai nhựa ký hiệu H1 để phục vụ công tác giám định.

Tại kết luận giám định số 3099/KL-KTHS ngày 04/11/2025 của Phòng K - Công an tỉnh P đã kết luận: “Mẫu chất cục bột màu trắng có trong mẫu kí hiệu A1

gửi giám định là ma túy, loại Heroine (H7), có khối lượng: 0,2515 gam (Không phải hai năm một năm gam, không kể bao bì)

Heroine (H4) có tên khoa học là D, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất (Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ được thay thế bởi Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ Quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, có hiệu lực thi hành từ ngày 19/01/2026, theo đó: Heroine (H) là chất ma túy có tên khoa học là D, nằm trong danh mục IA, STT 14)". H5 lại đối tượng giám định: A1 = 0,2140 gam cùng toàn bộ bao gói.

Tại kết luận giám định số 3132/KLGD-KTHS ngày 05/11/2025 của Phòng K - Công an tỉnh P kết luận:

"1. Tìm thấy chất ma túy Morphine trong mẫu chất lỏng màu vàng được xác định là mẫu nước tiểu thu của Trần Văn B2, SN 04/9/1988, HKTT thôn L, xã Đ, tỉnh Phú Thọ ký hiệu M1 gửi đến giám định.

2. Không phát hiện thành phần chất ma túy thường gặp (Heroine, Morphine, MDMA, Methamphetamine, Ketamine, 2 C-B, TFMPP) trong mẫu chất lỏng màu vàng được xác định là mẫu nước tiểu thu của Bùi Sơn L, SN 23/6/1974 HKTT thôn H, xã B, tỉnh Phú Thọ (ký hiệu H1) gửi giám định.

Morphine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIA, STT 55, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ (Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ được thay thế bởi Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ Quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, có hiệu lực thi hành từ ngày 19/01/2026, theo đó: Morphine là chất ma túy nằm trong danh mục IIA, STT 81)

H5 lại đối tượng giám định: Không (M1 đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Tại kết luận giám định số 4212/KL-KTHS ngày 31/12/2025 của Phòng K - Công an tỉnh P đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A13 màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Sơn L xác định số sim, trích xuất nội dung tin nhắn, cuộc gọi với số điện thoại 0896.429.688, kết luận: "Thẻ sim in hàng số 8984048000927952217. Có 13 cuộc gọi với số thuê bao 0896429688, không tìm thấy tin nhắn SMS". Toàn bộ dữ liệu được in vào giấy A4. Kèm theo kết luận giám định là 01 Phụ lục giám định.

Ngoài ngày 27/10/2025, B2 gọi cho L để mua ma túy, thì các ngày 16/10/2025, 25/10/2025, 26/10/2025, B2 gọi cho L để hỏi mua ma túy nhưng L bảo không có. Kết quả giám định phù hợp với lời khai của Trần Văn B2 và Bùi Sơn L.

Tại kết luận giám định số 4211/KL-KTHS ngày 31/12/2025 của Phòng K - Công an tỉnh P đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3, màu đỏ, đã qua

sử dụng thu giữ của **Trần Văn B2** xác định số sim, trích xuất nội dung tin nhắn, cuộc gọi với số điện thoại 0965.625.358, kết luận: “*Thẻ sim in hàng số 8401250112416375IDE. Có 04 cuộc gọi với số thuê bao 0965.625.358 (được lưu trong danh bạ điện thoại là “Anh D1”), không tìm thấy tin nhắn SMS*”. Toàn bộ dữ liệu được in vào giấy A4. Kèm theo kết luận giám định là 01 Phụ lục giám định. Kết quả giám định phù hợp với lời khai của **Trần Văn B2** và **Bùi Sơn L**.

Ngày 09/12/2025, Cơ quan điều tra đã ra văn bản yêu cầu **Cục B4 - Tập đoàn C1** cung cấp thông tin chủ thuê bao, thông tin cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, đến của số thuê bao số 0965.625.358. Kết quả: Số điện thoại 0965.625.358 đăng ký tên **Bùi Sơn L**, lịch sử cuộc gọi phù hợp với lời khai của **L** và **B2**.

Ngày 12/12/2025, Cơ quan điều tra đã ra văn bản yêu cầu **Tổng công ty V1 - Công ty D2** cung cấp thông tin chủ thuê bao, thông tin cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, đến của số thuê bao số 0896.429.688. Kết quả: Số điện thoại 0896.429.688 đăng ký tên **Đỗ Thị Thúy H6**, sinh năm 1989 trú tại **phường V, thành phố C, tỉnh An Giang**. Cơ quan điều tra đã làm việc với chị **H6**, chị **H6** xác định bản thân hiện nay không sử dụng số điện thoại trên, ai sử dụng không rõ, không biết và không biết việc mua bán ma túy giữa **B2** và **L**. **B2** khai nhận mua số điện thoại trên vào ngày 15/10/2025 tại một cửa hàng không nhớ địa chỉ để sử dụng đến khi bị bắt.

Đối với kết luận giám định số 3132/KLGD-KTHS ngày 05/11/2025 của **Phòng K - Công an tỉnh P** thể hiện tìm thấy chất ma túy Morphine trong mẫu nước tiểu của **Trần Văn B2**, quá trình điều tra xác định ngày 26/10/2025, **B2** được một người bạn trước đây làm thợ xây cùng tên là **T3** (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) cho sử dụng ma túy Heroin tại bãi đất trống ở **khu công nghiệp B** bằng hình thức chích vào cơ thể. Do vậy, kết quả giám định **B2** dương tính với ma túy Morphine. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa phương xác định **B2** không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a BLHS, nên Phòng CSĐT tội phạm về ma túy **Công an tỉnh P** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **B2** về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được đối tượng **T3** nên không có căn cứ xử lý đối với **T3**.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho **L** ngày 27/10/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được đối tượng trên.

Tại cơ quan điều tra, **Bùi Sơn L** và **Trần Văn B2** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKSTD ngày 14 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ đã truy tố bị cáo **Bùi Sơn L** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo **Trần Văn B2** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ trình bày luận tội đối với các bị cáo; giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Bùi Sơn L** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo **Trần Văn B2** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đồng thời đề nghị:

- Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Sơn L** từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27/10/2025).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Văn B2** từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27/10/2025).

- Về vật chứng của vụ án: Đề nghị tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước các phương tiện, công cụ và số tiền sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định, các công cụ, phương tiện và tài sản không còn giá trị sử dụng; đề nghị trả lại số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội của **Bùi Sơn L** nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí, đề nghị buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu và đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ, thể hiện: Ngày 24/10/2025, **Bùi Sơn L** có hành vi mua 0,2515 gam ma túy Heroine với giá 200.000đồng đem về nhà cất giấu nhằm mục đích bán kiếm lời, đến ngày 27/10/2025, tại nhà ở của **L** tại **thôn H, xã B, tỉnh Phú Thọ**, **L** đã bán số ma túy trên cho **Trần Văn B2** với giá 400.000đồng. Sau khi mua được ma túy **B2** đang đi tìm nơi để sử dụng thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang.

[3] Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu

giữ, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

[4] Hành vi bán ma túy trái phép của bị cáo **Bùi Sơn L** đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Trước lần phạm tội này, bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung hình phạt là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

...

q. Tái phạm nguy hiểm.”

[5] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo **Trần Văn B2** đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.....”;

[6] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Ma túy là tệ nạn cần phải loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội. Ngoài ra, ma túy là nguyên nhân ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức phạt tù nghiêm khắc, mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung

[7] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Cả hai bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, trong đó bị cáo **L** đang cai nghiện bằng thuốc thay thế methadone. Trước lần phạm tội này bị cáo **L** đã 04 lần bị kết án, đáng lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội, dẫn đến việc bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt với tình tiết tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo **Trần Văn B2**, mặc dù chưa có tiền án, tiền sự

nhưng cũng là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo đang trong độ tuổi lao động nhưng không tu chí làm ăn, sa đà vào ma túy dẫn đến hành vi phạm tội ngày hôm nay.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **L** có bố đẻ là ông **Bùi Sơn H**, bị cáo **B2** có bố đẻ là ông **Trần Đại M** đều là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và đều được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba nên cả hai bị cáo được Hội đồng xét xử xác định là có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, trước thời điểm phạm tội, bị cáo **L** bị tai nạn (ngã từ trên cao), bị chấn thương nặng cột sống (xẹp thân đốt sống, vỡ lún thân đốt sống, thoát vị đĩa đệm (theo bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của **Bệnh viện Đ**)); mẹ bị cáo là bà **Lê Thị H1** hiện đang bị tai biến, liệt 1/2 người trái; **bị cáo B2 có 04 con nhỏ đều dưới 15 tuổi**. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thấy rằng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ đề nghị là có căn cứ và phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo **Bùi Sơn L**, **Trần Văn B2** đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng; bị cáo **L** là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo **B2** có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Đối với đối tượng nam giới mà **Bùi Sơn L** khai đã bán ma túy cho **L** ngày 24/10/2025 (**L** không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể của đối tượng này): Quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được đối tượng có đặc điểm như **L** khai báo. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý các đối tượng trên.

[11] Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của **Trần Văn B2** ngày 26/10/2025, do không có căn cứ xử lý hình sự đối với **B2** về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 09/01/2026 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **B2** về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định; 01 lọ thủy tinh chứa nước cất và 01 bơm tiêm bằng nhựa chưa qua sử dụng thu giữ của **Trần Văn B2**; 01 bơm kim tiêm bằng nhựa, 02 lọ nước cất chưa qua sử dụng, 01 chiếc cân tiểu ly thu giữ của **Bùi Sơn L** cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 căn cước công dân số 026074006702 mang tên **Bùi Sơn L**; 01 con dao; 01 ví giả da màu nâu của **Bùi Sơn L** không liên quan đến hành vi phạm

tội nên cần trả lại cho **L**.

- Đối với 01 điện thoại di động thu giữ của **Trần Văn B2** và 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của **Bùi Sơn L** là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc để mua bán ma túy nên cần tịch thu phát mai sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 800.000đồng tạm giữ của **L** xác định có 400.000đồng là tiền **L** bán ma túy cho **B2** mà có nên cần tịch sung công quỹ nhà nước. Số tiền còn lại là 400.000đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho **L** nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[13] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Sơn L** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo **Trần Văn B2** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Sơn L** 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27/10/2025).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Văn B2** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27/10/2025).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Mẫu vật hoàn trả sau giám định của **Phòng K** - **Công an tỉnh P** gồm: A1 = 0,2140 gam ma túy heroin cùng toàn bộ bao gói.

+ 01 lọ thủy tinh chứa nước cất và 01 bơm tiêm bằng nhựa chưa qua sử dụng thu giữ của **Trần Văn B2**; 01 bơm kim tiêm bằng nhựa, 02 lọ nước cất chưa qua sử dụng, 01 chiếc cân tiểu ly mặt trước có chữ Pocket Scolf thu giữ của **Bùi Sơn L**.

- Trả lại cho **Bùi Sơn L** 01 căn cước công dân số 026074006702 mang tên **Bùi Sơn L**; 01 con dao dài khoảng 10cm, phần lưỡi dài khoảng 5cm, đầu nhọn, mũi sắc, phần đuôi dài khoảng 5cm, chia làm hai phần nhựa và kim loại; 01 ví giả da màu nâu.

- Tịch thu phát mai sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3, màu đỏ đã cũ của **Trần Văn B2** và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu đen, đã qua sử dụng của **Bùi Sơn L**.

- Tịch sung công quỹ nhà nước số tiền 400.000đồng của **Bùi Sơn L** do bán ma túy cho **Trần Văn B2** mà có;

- Trả lại **Bùi Sơn L** 400.000đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành

án.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/5/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Phú Thọ).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Bùi Sơn L và Trần Văn B2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 8 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đại Đình, tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Hoàng